

## **TP. Hồ Chí Minh công bố chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023**

12:04 21/04/2022

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh vừa công bố chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023.

Theo đó, chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023 như sau:

# CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2022-2023 (HỆ CÔNG LẬP)

(Đính kèm theo Quyết định số 910 /QĐ-SGDDT ngày 20/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Tên đơn vị                               | Tổng số chỉ tiêu<br>tuyển sinh lớp 10<br>năm học 2022-2023 |       | Trong đó:                         |                          |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           | Ghi chú                                                        |  |
|-----|------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
|     |                                          |                                                            |       | Lớp 10 thường,<br>lớp 10 tích hợp |                          | Lớp 10 Song<br>ngữ, NN 1<br>tiếng Đức |                | Lớp 10 chuyên, năng khiếu<br>TDTT |                   |                                                                                           |                                                                |  |
|     |                                          |                                                            |       | Số lớp<br>10                      | Số học<br>sinh<br>lớp 10 | Số<br>lớp                             | Số học<br>sinh | Số lớp                            | Số<br>học<br>sinh | Môn chuyên,<br>Năng khiếu                                                                 |                                                                |  |
| 1   | THPT Thủ Thiêm                           | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 2   | THPT Giồng Ông Tố                        | 10                                                         | 450   | 10                                | 450                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 3   | THPT Nguyễn Văn Tăng                     | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 4   | THPT Nguyễn Huệ                          | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 5   | THPT Long Trường                         | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 6   | THPT Phước Long                          | 12                                                         | 540   | 12                                | 540                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 7   | THPT Dương Văn Thị                       | 11                                                         | 495   | 11                                | 495                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 8   | THPT Bình Chiểu                          | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 9   | THPT Nguyễn Hữu Huân                     | 16                                                         | 660   | 11                                | 485                      |                                       |                | 5                                 | 175               | Văn (35); Toán<br>(35); Lý (35);<br>Hóa(35); Tiếng<br>Anh (35).                           | Trong đó: Có<br>02 lớp tích hợp-<br>70 học sinh.               |  |
| 10  | THPT Thủ Đức                             | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           | Trong đó: Có<br>01 lớp tích hợp-<br>35 học sinh.               |  |
| 11  | THPT Hiệp Bình                           | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 12  | THPT Linh Trung                          | 19                                                         | 855   | 19                                | 855                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 13  | THPT Đào Sơn Tây                         | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 14  | THPT Tam Phú                             | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 15  | Phổ thông Năng khiếu thể thao<br>Olympic | 2                                                          | 40    |                                   |                          |                                       |                | 2                                 | 40                | NK TDĐT.                                                                                  |                                                                |  |
| 16  | THPT Trưng Vương                         | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 17  | THPT Bùi Thị Xuân                        | 17                                                         | 745   | 17                                | 745                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           | Trong đó: Có<br>02 lớp tích hợp-<br>70 học sinh.               |  |
| 18  | THPT Ten Lự Mạn                          | 12                                                         | 540   | 12                                | 540                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 19  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa               | 15                                                         | 545   | 5                                 | 195                      | 1                                     | 35             | 9                                 | 315               | Văn (35); Toán<br>(35); Lý (35); Hóa<br>(35); Sinh (35);<br>Tiếng Anh (105);<br>Tin (35). | Trong đó: Có<br>03 lớp tích hợp-<br>105 học sinh.              |  |
| 20  | THPT Lương Thế Vinh                      | 8                                                          | 340   | 8                                 | 340                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           | Trong đó: Có<br>03 lớp tích hợp-<br>105 học sinh.              |  |
| 21  | THPT Năng Khiếu TDĐT                     | 7                                                          | 210   | 7                                 | 210                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 22  | Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm           | 10                                                         | 450   | 10                                | 450                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 23  | THPT Lê Quý Đôn                          | 16                                                         | 560   | 16                                | 560                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                           |                                                                |  |
| 24  | THPT Marie Curie                         | 30                                                         | 1.200 | 29                                | 1.155                    | 1                                     | 45             |                                   |                   |                                                                                           | FIEF (45).                                                     |  |
| 25  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | 16                                                         | 690   | 14                                | 620                      | 2                                     | 70             |                                   |                   |                                                                                           | Trong đó: Có<br>01 lớp tích hợp-<br>35 học sinh;<br>FIEF (70). |  |

*(Chữ ký)*

| STT | Tên đơn vị                                                             | Tổng số chỉ tiêu<br>tuyển sinh lớp 10<br>năm học 2022-2023 |       | Trong đó:                         |                          |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                        |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
|     |                                                                        |                                                            |       | Lớp 10 thường,<br>lớp 10 tích hợp |                          | Lớp 10 Song<br>ngữ, NN 1<br>tiếng Đức |                | Lớp 10 chuyên, năng khiếu<br>TĐTT |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
|     |                                                                        |                                                            |       | Số lớp<br>10                      | Số học<br>sinh<br>lớp 10 | Số<br>lớp                             | Số học<br>sinh | Số lớp                            | Số<br>học<br>sinh | Môn chuyên,<br>Năng khiếu                                                                                                                                                     |                                                                |  |
| 26  | THPT Nguyễn Thị Diệu                                                   | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 27  | THPT Nguyễn Hữu Thọ                                                    | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 28  | THPT Nguyễn Trãi                                                       | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 29  | THPT chuyên Lê Hồng Phong                                              | 26                                                         | 890   | 6                                 | 250                      | 1                                     | 45             | 19                                | 595               | Văn (70); Toán<br>(105); Lý (70);<br>Hóa (70); Sinh<br>(35); Tiếng Anh<br>(105); Tin (35);<br>Tiếng Trung (20);<br>Tiếng Nhật(15) ;<br>Tiếng Pháp (35);<br>Sử (17); Địa (18). | Trong đó: Có<br>02 lớp tích hợp-<br>70 học sinh;<br>FIEF (45). |  |
| 30  | Trung học Thực hành Đại học Sư<br>phạm                                 | 10                                                         | 350   | 10                                | 350                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 31  | Phổ thông Năng Khiếu (thuộc Đại học<br>Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh) | 17                                                         | 595   |                                   |                          |                                       |                | 17                                | 595               | Văn (35); Toán<br>(70); Lý (35); Hóa<br>(35); Sinh (35);<br>Tiếng Anh (70);<br>Tin (35); Chuyên<br>KHTN và Công<br>nghệ (210);<br>Chuyên KHXH<br>(70).                        |                                                                |  |
| 32  | THPT Trần Khai Nguyên                                                  | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 33  | THPT Trần Hữu Trang                                                    | 8                                                          | 360   | 8                                 | 360                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 34  | THPT Hùng Vương                                                        | 24                                                         | 1.080 | 24                                | 1.080                    |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 35  | Trung học thực hành Sài Gòn                                            | 4                                                          | 140   | 4                                 | 140                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 36  | THPT Phạm Phú Thứ                                                      | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 37  | THPT Bình Phú                                                          | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 38  | THPT Nguyễn Tất Thành                                                  | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 39  | THPT Mạc Đĩnh Chi                                                      | 24                                                         | 1.020 | 18                                | 810                      |                                       |                | 6                                 | 210               | Văn (35); Toán<br>(35); Lý (35); Hoá<br>(35); Sinh(35);<br>Tiếng Anh (35).                                                                                                    |                                                                |  |
| 40  | Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan                                     | 1                                                          | 24    | 1                                 | 24                       |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 41  | THPT Ngô Quyền                                                         | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 42  | THPT Lê Thánh Tôn                                                      | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 43  | THPT Tân Phong                                                         | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 44  | THPT Nam Sài Gòn                                                       | 5                                                          | 225   | 5                                 | 225                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 45  | THPT Lương Văn Can                                                     | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 46  | THPT Tạ Quang Bửu                                                      | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 47  | THPT Nguyễn Văn Linh                                                   | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 48  | THPT Võ Văn Kiệt                                                       | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 49  | THPT Ngô Gia Tự                                                        | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 50  | THPT Chuyên Năng khiếu TĐTT<br>Nguyễn Thị Định                         | 15                                                         | 635   | 11                                | 495                      |                                       |                | 4                                 | 140               | NK TĐTT.                                                                                                                                                                      |                                                                |  |
| 51  | THPT Nguyễn An Ninh                                                    | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |
| 52  | THPT Nguyễn Khuyến                                                     | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                                                                                                                               |                                                                |  |

*Handwritten signature*

| STT | Tên đơn vị                    | Tổng số chỉ tiêu<br>tuyển sinh lớp 10<br>năm học 2022-2023 |       | Trong đó:                         |                          |                                       |                |                                   |                   |                                                                   | Ghi chú                                    |  |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--|
|     |                               |                                                            |       | Lớp 10 thường,<br>lớp 10 tích hợp |                          | Lớp 10 Song<br>ngữ, NN 1<br>tiếng Đức |                | Lớp 10 chuyên, năng khiếu<br>TDTT |                   |                                                                   |                                            |  |
|     |                               |                                                            |       | Số lớp<br>10                      | Số học<br>sinh<br>lớp 10 | Số<br>lớp                             | Số học<br>sinh | Số lớp                            | Số<br>học<br>sinh | Môn chuyên,<br>Năng khiếu                                         |                                            |  |
| 53  | THPT Nguyễn Du                | 17                                                         | 595   | 17                                | 595                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 54  | THCS và THPT Sương Nguyệt Anh | 6                                                          | 270   | 6                                 | 270                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 55  | THCS và THPT Diên Hồng        | 10                                                         | 450   | 10                                | 450                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 56  | THPT Trần Quang Khải          | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 57  | THPT Nguyễn Hiền              | 14                                                         | 490   | 14                                | 490                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 58  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa        | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 59  | THPT Võ Trường Toản           | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 60  | THPT Trường Chinh             | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 61  | THPT Thạnh Lộc                | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 62  | THPT Nguyễn Thượng Hiền       | 19                                                         | 775   | 14                                | 600                      |                                       |                | 5                                 | 175               | Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa (35); Tiếng Anh (35).           | Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh. |  |
| 63  | THPT Nguyễn Thái Bình         | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 64  | THPT Nguyễn Chí Thanh         | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 65  | THPT Trần Phú                 | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 66  | THPT Lê Trọng Tấn             | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 67  | THPT Tân Bình                 | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 68  | THPT Tây Thạnh                | 20                                                         | 900   | 20                                | 900                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 69  | THPT Gò Vấp                   | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 70  | THPT Trần Hưng Đạo            | 20                                                         | 900   | 20                                | 900                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   | Trong đó: Có 02 lớp tích hợp-70 học sinh.  |  |
| 71  | THPT Nguyễn Công Trứ          | 19                                                         | 855   | 19                                | 855                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 72  | THPT Nguyễn Trung Trực        | 20                                                         | 900   | 20                                | 900                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 73  | THPT Võ Thị Sáu               | 19                                                         | 855   | 19                                | 855                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   | Trong đó: Có 01 lớp tích hợp-35 học sinh.  |  |
| 74  | THPT Phan Đăng Lưu            | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 75  | THPT Hoàng Hoa Thám           | 18                                                         | 810   | 18                                | 810                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 76  | THPT Trần Văn Giàu            | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 77  | THPT Gia Định                 | 24                                                         | 1.000 | 18                                | 790                      |                                       |                | 6                                 | 210               | Văn (35); Toán (35); Lý (35); Hóa (35); Tiếng Anh (35); Tin (35). | Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh. |  |
| 78  | THPT Thanh Đa                 | 11                                                         | 495   | 11                                | 495                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 79  | THPT Phú Nhuận                | 19                                                         | 825   | 19                                | 825                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   | Trong đó: Có 03 lớp tích hợp-105 học sinh. |  |
| 80  | THPT Hàn Thuyên               | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 81  | THPT An Lạc                   | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 82  | THPT Bình Hưng Hòa            | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 83  | THPT Vĩnh Lộc                 | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 84  | THPT Nguyễn Hữu Cánh          | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 85  | THPT Bình Tân                 | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 86  | THPT Tân Túc                  | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |
| 87  | THPT Bình Chánh               | 20                                                         | 900   | 20                                | 900                      |                                       |                |                                   |                   |                                                                   |                                            |  |

*Handwritten signature*

| STT | Tên đơn vị                            | Tổng số chỉ tiêu<br>tuyển sinh lớp 10<br>năm học 2022-2023 |       | Trong đó:                         |                          |                                       |                |                                   |                   |                           | Ghi chú |                                           |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------|-----------------------------------|-------------------|---------------------------|---------|-------------------------------------------|
|     |                                       |                                                            |       | Lớp 10 thường,<br>lớp 10 tích hợp |                          | Lớp 10 Song<br>ngữ, NN 1<br>tiếng Đức |                | Lớp 10 chuyên, năng khiếu<br>TDTT |                   |                           |         |                                           |
|     |                                       |                                                            |       | Số lớp<br>10                      | Số học<br>sinh<br>lớp 10 | Số<br>lớp                             | Số học<br>sinh | Số lớp                            | Số<br>học<br>sinh | Môn chuyên,<br>Năng khiếu |         |                                           |
| 88  | THPT Đa Phước                         | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 89  | THPT Năng khiếu TDTT Huyện Bình Chánh | 17                                                         | 750   | 16                                | 720                      |                                       |                | 1                                 | 30                | NK TDTT.                  |         |                                           |
| 90  | THPT Lê Minh Xuân                     | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 91  | THPT Phong Phú                        | 23                                                         | 1.035 | 23                                | 1.035                    |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 92  | THPT Vĩnh Lộc B                       | 19                                                         | 855   | 19                                | 855                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 93  | THPT Củ Chi                           | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 94  | THPT An Nhơn Tây                      | 16                                                         | 720   | 16                                | 720                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 95  | THPT Phú Hòa                          | 12                                                         | 540   | 12                                | 540                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 96  | THPT Quang Trung                      | 15                                                         | 675   | 15                                | 675                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 97  | THPT Trung Phú                        | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 98  | THPT Tân Thông Hội                    | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 99  | THPT Trung Lập                        | 12                                                         | 540   | 12                                | 540                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 100 | THPT Bà Điểm                          | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 101 | THPT Nguyễn Hữu Tiến                  | 11                                                         | 495   | 11                                | 495                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 102 | THPT Hồ Thị Bi                        | 17                                                         | 765   | 17                                | 765                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 103 | THPT Lý Thường Kiệt                   | 11                                                         | 495   | 11                                | 495                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 104 | THPT Nguyễn Hữu Cẩu                   | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         | Trong đó: Có 01 lớp tích hợp 35 học sinh. |
| 105 | THPT Phạm Văn Sáng                    | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 106 | THPT Nguyễn Văn Cừ                    | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 107 | THPT Dương Văn Dương                  | 13                                                         | 585   | 13                                | 585                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 108 | THPT Long Thới                        | 8                                                          | 360   | 8                                 | 360                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 109 | THPT Phước Kiển                       | 14                                                         | 630   | 14                                | 630                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 110 | THPT Cần Thạnh                        | 9                                                          | 405   | 9                                 | 405                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 111 | THPT An Nghĩa                         | 9                                                          | 405   | 9                                 | 405                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 112 | THPT Bình Khánh                       | 8                                                          | 360   | 8                                 | 360                      |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 113 | THCS và THPT Thạnh An                 | 2                                                          | 80    | 2                                 | 80                       |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |
| 114 | THPT Quốc Tế Việt Úc                  | 4                                                          | 90    | 4                                 | 90                       |                                       |                |                                   |                   |                           |         |                                           |

\* Ghi chú: Trường tuyển sinh Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2 thực hiện theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023.

## Chỉ tiêu xét tuyển vào lớp 10 tại TPHCM năm học 2022-2023..

chun b cho công tác tuyen sinh, S Giáo dc và ào to TP. H Chí Minh giao trách nhiệm cho Phòng Giáo dc và ào to TP Th c và 21 qun, huyn t chc tp hun cho lãnh o các c s giáo dc và giáo viên ch nhim lp 9 nm vng các quy nh hng dn chính xác cho cha m hc sinh và hc sinh l p mình ph trách ng ký úng nguyn vng, ng thi thc hin tt vic phân lung hc sinh sau THCS.

Các trường THCS sẽ tổ chức tư vấn, họp cha mẹ học sinh từ ngày 15/04 đến ngày 09/05/2022. Trong đó, hiệu trưởng chủ trì buổi họp với toàn thể cha mẹ học sinh; và giáo viên chủ nhiệm họp cha mẹ học sinh theo từng lớp.

Nội dung các buổi họp tập trung hướng dẫn các điều kiện tuyển sinh, chế độ ưu tiên, khuyến khích, học phí, chế độ tuyển thẳng, phân biệt rõ các loại hình lớp 10 THPT công lập, lớp 10 chuyên hoặc tích hợp, trường tiên tiến hội nhập, tăng cường ngoại ngữ...

Điểm mới trong kỳ tuyển sinh lớp 10 năm 2022 là TP. Hồ Chí Minh sẽ triển khai đăng ký nguyện vọng trực tuyến, bước đầu áp dụng đối với 03 nguyện vọng

thường. Hình thức đăng ký trực tuyến chưa áp dụng với thí sinh đăng ký nguyện vọng lớp 10 chuyên và lớp 10 tích hợp. Song song đó, hình thức đăng ký nguyện vọng trực tiếp vẫn sẽ được áp dụng.

Thí sinh dự thi dự kiến vào ngày 11-12/06/ 2022 với 03 môn Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ (nếu đăng ký nguyện vọng vào lớp thường) và môn chuyên, tích hợp (nếu đăng ký nguyện vọng vào lớp chuyên, tích hợp). Thời gian làm bài thi của môn ngữ văn, môn toán: 120 phút/môn thi; môn ngoại ngữ: 90 phút.

Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25. Trong đó, các môn thi đều có hệ số bằng nhau là hệ số 1 (trước đây môn văn, toán là hệ số 2). Điểm xét tuyển là tổng điểm ba bài thi và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

Riêng về nội dung đề thi, Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh cho biết đề thi tuyển sinh lớp 10 sẽ nằm trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9, đồng thời phân hóa được năng lực trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi.

Năm nay, Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Thủ Đức và 21 quận, huyện sẽ rà soát và khóa dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 vào ngày 23/05, cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời vào ngày 24/05.

Tất cả học sinh THCS, học viên theo học chương trình THCS hệ giáo dục thường xuyên sẽ được xét công nhận tốt nghiệp một lần ngay sau khi kết thúc năm học.

Ngoài chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 THPT công lập, thành phố còn dành gần 1.000 chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 tích hợp và hơn 1.600 chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 chuyên.

**Nguyễn Tùng**